

**SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ KIÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/TTYT-TCHC
V/v đẩy mạnh liên thông Giấy chứng
sinh lên Cổng giám định Bảo hiểm y
tế theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT

Kiên Hải, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Lãnh đạo khoa, phòng.

Thực hiện Công văn 1139/SYT-CNTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh An Giang về việc triển khai công tác đẩy mạnh liên thông Giấy chứng sinh lên Cổng giám định Bảo hiểm y tế theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT.

Trung tâm Y tế đề nghị các lãnh đạo khoa, phòng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo thực hiện nội dung Công văn số 1139/SYT-CNTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh An Giang.

(Đính kèm văn bản)

Nhận được công văn đề nghị lãnh đạo các khoa, phòng Trung tâm Y tế nghiêm túc triển khai, thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang VPĐT của Trung tâm;
- Lưu: VT, TCHC, ltdloan.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Nguyễn Văn Cẩn

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SYT-CNTTTT

An Giang, ngày tháng 02 năm 2026

V/v đẩy mạnh liên thông Giấy chứng sinh lên Cổng giám định Bảo hiểm y tế theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT

Kính gửi: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh

Thực hiện Công văn số 2775/VP-KGVX ngày 23/02/2026 Văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc triển khai công tác đẩy mạnh liên thông Giấy chứng sinh lên Cổng giám định Bảo hiểm y tế theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT.

Nhằm đẩy mạnh liên thông dữ liệu điện tử giấy chứng sinh lên Cổng giám định Bảo hiểm y tế, Sở Y tế yêu cầu các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh thực hiện một số nội dung sau:

1. Chỉnh sửa API liên thông dữ liệu giấy chứng sinh trên phần mềm Hệ thống thông tin quản lý bệnh viện (HIS) tại các đơn vị; triển khai ký số và chuẩn hóa đúng cấu trúc theo đúng quy định dữ liệu lên Cổng Giám định bảo hiểm y tế, đảm bảo liên thông dữ liệu điện tử giấy chứng sinh có ký số để kết nối, chia sẻ với Phần mềm dịch vụ công liên thông chậm nhất không quá 04 giờ làm việc sau khi cấp bản giấy giấy chứng sinh theo quy định tại Điều 25 Nghị định 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024.

2. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội cơ sở để thực hiện liên thông dữ liệu giấy chứng sinh theo quy định.

3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện cấp giấy chứng sinh, liên thông dữ liệu, ký số dữ liệu liên thông theo đúng quy định lên Cổng giám định bảo hiểm y tế để chia sẻ với Phần mềm dịch vụ công liên thông, phục vụ người dân thực hiện 02 nhóm dịch vụ công trực tuyến liên quan đến khai sinh, không để gián đoạn việc cung cấp 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

4. Báo cáo kết quả triển khai tại đơn vị gửi về Sở Y tế (qua phòng Công nghệ Thông tin và Truyền thông) trước ngày 27/02/2026.

Nhận được Công văn yêu cầu các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh triển khai thực hiện; thông tin chi tiết xin liên hệ bà Bùi Thanh Hương, chuyên viên phòng Công nghệ thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, số điện thoại 0945.382.839./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH tỉnh An Giang (p/h);
- VNPT An Giang (p/h);
- GD và PGD Sở Y tế (để b/cáo);
- Trang VPĐT;
- Trang TTĐT SYT;
- Lưu: VT, bthuong.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Bích Hạnh

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BYT-BMTE

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

V/v đẩy mạnh liên thông Giấy chứng sinh lên Cổng giám định Bảo hiểm y tế theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Ngày 10/6/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2024/NĐ-CP quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất (sau đây gọi là Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024). Để thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28/6/2025 quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh và Quyết định số 2919/QĐ-BYT ngày 15/9/2025 ban hành Quy định thông điệp dữ liệu giấy chứng sinh và quy định chuẩn, định dạng dữ liệu điện tử giấy chứng sinh.

Việc thực hiện liên thông dữ liệu có ký số giấy chứng sinh do cơ sở khám, chữa bệnh cấp để thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi là Đề án 06) đã được Bộ Y tế chỉ đạo tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện thường quy từ ngày 07/03/2023. Tuy nhiên đến nay có 5.680/12.361 cơ sở khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế chưa thực hiện ký số (chiếm 46%) và 100 cơ sở khám chữa bệnh thực hiện ký số chưa đúng trên dữ liệu XML liên quan đến dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử; dữ liệu không bảo đảm tính pháp lý nên người dân vẫn phải đính kèm các giấy tờ khi thực hiện các dịch vụ công toàn trình.

Thực hiện Thông báo số 469/TCT ngày 15/01/2026 của Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06; Đề đẩy mạnh liên thông dữ liệu điện tử giấy chứng sinh lên Cổng giám định Bảo hiểm y tế, Bộ Y tế đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Y tế:

1. Yêu cầu các cơ sở y tế công lập, tư nhân, y tế ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố chỉnh sửa API liên thông dữ liệu giấy chứng sinh trên phần mềm Hệ thống thông tin quản lý bệnh viện (HIS) tại các đơn vị; triển khai ký số và chuẩn hóa đúng cấu trúc theo đúng quy định dữ liệu lên Cổng Giám định bảo hiểm y tế,

đảm bảo liên thông dữ liệu điện tử giấy chứng sinh có ký số để kết nối, chia sẻ với Phần mềm dịch vụ công liên thông chậm nhất không quá 04 giờ làm việc sau khi cấp bản giấy giấy chứng sinh theo quy định tại Điều 25 Nghị định 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024.

2. Phối hợp chặt chẽ với Bảo hiểm xã hội khu vực để hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu giấy chứng sinh theo quy định.

3. Kiểm tra, đôn đốc bảo đảm tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện cấp giấy chứng sinh, liên thông dữ liệu, ký số dữ liệu liên thông theo đúng quy định lên Cổng giám định bảo hiểm y tế để chia sẻ với Phần mềm dịch vụ công liên thông, phục vụ người dân thực hiện 02 nhóm dịch vụ công trực tuyến liên quan đến khai sinh, không để gián đoạn việc cung cấp 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai trên địa bàn tỉnh, thành phố về Bộ Y tế (Cục Bà mẹ và Trẻ em) trước ngày **28/02/2026**.

Bộ Y tế đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Y tế các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp, Bộ Công an (để ph/h);
- Tổ công tác Đề án 06;
- Tổng công ty MobiFone;
- Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Cục Quản lý khám, chữa bệnh (để ph/h);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố (để th/h);
- Lưu: VT, BMTE.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Tri Thức

UBND TỈNH AN GIANG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /VP-KGVX

An Giang, ngày tháng 02 năm 2026

V/v triển khai công tác đẩy mạnh
liên thông Giấy chứng sinh lên
Cổng giám định Bảo hiểm y tế theo
Thông tư số 22/2025/TT-BYT

Kính gửi:

- Sở Y tế;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh.

Căn cứ Công văn số 913/BYT-BMTE ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Bộ Y tế về việc đẩy mạnh liên thông Giấy chứng sinh lên Cổng giám định Bảo hiểm y tế theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT; về vấn đề này, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Thị Minh Thúy, như sau:

Giao Sở Y tế chủ trì phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan khẩn trương triển khai công tác đẩy mạnh liên thông Giấy chứng sinh lên Cổng giám định Bảo hiểm y tế theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT trên địa bàn tỉnh theo như tinh thần chỉ đạo của Bộ Y tế tại Công văn số 913/BYT-BMTE ngày 11 tháng 02 năm 2026.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đến đơn vị biết để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, vttrung.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Mã Lan Xuân

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định thông điệp dữ liệu Giấy chứng sinh
và quy định chuẩn, định dạng dữ liệu điện tử Giấy chứng sinh**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị định số 102/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu y tế;

Căn cứ Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất;

Căn cứ Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bà mẹ và Trẻ em.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định thông điệp dữ liệu Giấy chứng sinh và quy định chuẩn, định dạng dữ liệu điện tử Giấy chứng sinh tại Phụ lục I và Phụ lục II của Quyết định này.

Điều 2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các đơn vị liên quan có trách nhiệm sử dụng quy định thông điệp dữ liệu Giấy chứng sinh và quy định chuẩn, định dạng dữ liệu điện tử Giấy chứng sinh để kết nối, chia sẻ dữ liệu với Phần mềm dịch vụ công liên thông theo quy định tại Nghị định 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025.

- Bãi bỏ Quyết định số 1898/QĐ-BYT ngày 09/6/2025 của Bộ Y tế về quy định chuẩn và định dạng dữ liệu điện tử Giấy chứng sinh;

- Bãi bỏ Bảng 9. Chỉ tiêu dữ liệu Giấy chứng sinh ban hành kèm theo Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan.

Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bà mẹ và Trẻ em, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, các Vụ trưởng, Cục trưởng của Bộ Y tế, Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia; Giám đốc các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng y tế các Bộ, ngành; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để ph/hợp chỉ đạo);
- Các Vụ, Cục, Viện, Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Hiệp hội bệnh viện tư nhân Việt Nam;
- Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia;
- Công Thông tin điện tử - Bộ Y tế;
- Lưu: VT, BMTE.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Tri Thức

Phụ lục I
QUY ĐỊNH THÔNG ĐIệp DỮ LIỆU GIẤY CHỨNG SINH
VÀ CHUẨN, ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ GIẤY CHỨNG SINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. QUY ĐỊNH THÔNG ĐIệp DỮ LIỆU GIẤY CHỨNG SINH
[CHỨNG THƯ SỐ]

TÊN CƠ SỞ KBCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Cấp lần đầu: []
Cấp lại: []

Mã số GCS:

GIẤY CHỨNG SINH

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Mã số BHXH/Thẻ BHYT số:

Đã sinh con vào lúc:.....giờ..... phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại:

Số con trong lần sinh này:

Giới tính của con: Cân nặng gam.

Dự định đặt tên con là:

Ghi chú:

Thân nhân của trẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đỡ đẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Đại diện cơ sở KBCB
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

[CHỮ KÝ SỐ]

Chú thích:

- Tên con dự định đặt có thể thay đổi khi khai sinh.
- Ghi chú với trường hợp sinh con phải phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần hoặc các nội dung khác cần lưu ý.

II. CHUẨN VÀ ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ GIẤY CHỨNG SINH

STT	Trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	TEN_CSKBCB	Chuỗi	X	255	Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cấp Giấy chứng sinh, theo danh mục quy định của Bộ Y tế.
		MA_CSKBCB	Chuỗi	X	5	Ghi mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cấp Giấy chứng sinh; gồm 05 ký tự. Mã số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định về nguyên tắc cấp mã cơ sở KBCB.
2	Mã giấy chứng sinh	MA_GCS	Chuỗi	X	18	Mã giấy chứng sinh được quản lý tại cơ sở khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế, mã gồm 18 ký tự theo định dạng: XXXXXXXX.GCS.ZZZZZ.YY Trong đó: XXXXX: Có độ dài 05 ký tự là số thứ tự tăng dần của số giấy chứng sinh đã cấp trong năm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. GCS: Là ký tự cố định xác định với Giấy chứng sinh. ZZZZZ: Mã số cơ sở khám chữa bệnh thực hiện theo Quyết định số 384/QĐ-BYT ngày 01/02/2019 của Bộ Y tế quy định về nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Theo đó, mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gồm 05 ký tự thể hiện bằng số: 02 ký tự đầu: Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Tổng cục thống kê (Riêng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng sử dụng mã ký tự là 97, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Công an là 98). 03 ký tự tiếp theo: Là thứ tự của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, thành phố tương ứng bắt đầu từ số 001 và kết thúc là ZZZ. YY: Độ dài 02 ký tự tương ứng với 02 ký tự cuối của năm cấp giấy. Ví dụ: 00005.GCS.22001.25
3	Lần cấp	LAN_CAP	Chuỗi	X	2	Lần cấp: Mã “0”: Cấp lần đầu Mã “1”: Cấp lại.
4	Họ, chữ đệm, tên	HOTEN_ME	Chuỗi	X	255	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của mẹ.

STT	Trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
	khai sinh của mẹ					
5	Ngày, tháng, năm sinh	NGAYSINH_ME	Chuỗi	X	8	Ngày sinh của mẹ, định dạng yyyyMMdd hoặc yyyy, với yyyy là năm sinh, MM là tháng sinh, dd là ngày sinh.
6	Dân tộc	MA_DANTOC_ME	Chuỗi	X	2	Tra cứu mã dân tộc tại đường link: https://www.nso.gov.vn/phuong-phapluan-thong-ke/danh-muc/cac-dan-toc-viet-nam/
7	Số ĐDCN/ Hộ chiếu	LOAI_GIAYTO_ME	Số	X	1	Ghi loại giấy tờ: Mã “1”: Định danh cá nhân Mã “2”: Hộ chiếu Mã “3”: Khác.
		SO_DDCN_ME	Chuỗi	X	15	Số ĐDCN/Hộ chiếu hoặc Giấy tờ tùy thân khác của mẹ.
8	Nơi cư trú	NOI_CU_TRU_ME	Chuỗi	X	1024	Ghi địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại) của mẹ. Lưu ý: - Nếu là người Việt Nam: Ghi địa chỉ nơi cư trú theo địa danh hành chính các cấp; - Trường hợp người nước ngoài có địa chỉ nơi cư trú tại Việt Nam thì ghi giống như người Việt Nam; - Trường hợp người nước ngoài không có địa chỉ nơi cư trú tại Việt Nam nhưng sinh đẻ tại cơ sở y tế của Việt Nam thì ghi địa chỉ Lãnh sự quán của nước trên Quốc tịch người đó tại Việt Nam.
		MATINH_CU_TRU	Chuỗi	X	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi cư trú; ghi theo 02 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
		MAXA_CU_TRU	Chuỗi	X	5	Mã đơn vị hành chính cấp xã, phường nơi cư trú; ghi theo 05 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
9	Mã số BHXH/ BHXH/	MA_BHXXH_ME	Số		10	Mã số Bảo hiểm xã hội (BHXH) của người mẹ (nếu có)

STT	Trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
	Thẻ BHYT số	MA_THE_ME	Chuỗi		15	Mã thẻ Bảo hiểm y tế (BHYT) của người mẹ (nếu có)
10	Đã sinh con vào lúc	NGAY_SINH_CON	Chuỗi	X	12	Ngày sinh con, định dạng yyyyMMddHHss, với yyyy là năm sinh, MM là tháng sinh, dd là ngày sinh, HH là giờ sinh, ss là phút sinh.
11	Tại	NOI_SINH_CON	Chuỗi	X	1024	Ghi địa chỉ nơi con được sinh ra theo cấu trúc: {mã tỉnh}:{mã xã}:{địa chỉ full text có cả tên tỉnh, xã theo chuẩn chung}. Trong đó mã tỉnh, mã xã theo bảng mã quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam. - Trường hợp trẻ em được sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, thì ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và địa danh hành chính nơi trẻ em được sinh ra; Ví dụ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định; - Trường hợp trẻ em được sinh ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì ghi địa điểm và địa danh hành chính nơi trẻ sinh ra. Ví dụ: Tại nhà/trên đường đi của xã A, tỉnh B.
12	Số con trong lần sinh này	SOCON_LANNAY	Số	X	2	Ghi số con đẻ lần này. Trong trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì ghi cụ thể số con và mỗi trẻ được cấp 01 giấy chứng sinh có mã số riêng biệt.
13	Giới tính của con	GIOI_TINH_CON	Số	X	1	Giới tính mã hóa Mã “1”: Nam Mã “2”: Nữ Mã “3”: Chưa xác định.
14	Cân nặng của con	CAN_NANG_CON	Chuỗi		10	Ghi theo số cân nặng của con, tính theo gam (ký hiệu là: g) (ví dụ: 3,6 kg = 3600g).
15	Dự định đặt tên con	MA_THE_TAM	Chuỗi	X	15	Ghi mã thẻ BHYT tạm thời của người con. Cơ sở KBCB sử dụng chức năng “Thông tuyến khám chữa bệnh/Tra cứu thẻ tạm của trẻ em hoặc của người hiến tạng” trên Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định BHYT của BHXH Việt Nam để tra cứu mã thẻ BHYT tạm thời.
		TEN_CON	Chuỗi		255	Tên dự định đặt cho con (Tên dự kiến này có thể thay đổi khi đăng ký khai sinh)

STT	Trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
16	Ghi chú	GHI_CHU	Chuỗi		1500	Trường hợp sinh con phải phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần tuổi hoặc vừa sinh con dưới 32 tuần tuổi lại vừa phải phẫu thuật thì trong phần ghi chú phải ghi rõ một trong các nội dung sau “Sinh con phải phẫu thuật” hoặc “Sinh con dưới 32 tuần tuổi” hoặc “Phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi”.
		SINHCON_PHAUTH UAT	Số		1	Mã “1”: Sinh con phải phẫu thuật Mã “0”: Sinh con không phải phẫu thuật
		SINHCON_DUOI32T UAN	Số		1	Mã “1”: Sinh con dưới 32 tuần tuổi Mã “0”: Không sinh con dưới 32 tuần tuổi
		SINHCON_PHAUTH UAT_DUOI32TUAN	Số		2	Mã 11
		TINH_TRANG_CON	Chuỗi	X	500	Ghi rõ tình trạng của trẻ tại thời điểm làm Giấy chứng sinh: khỏe mạnh, yếu, dị tật hoặc các biểu hiện liên quan đến sức khỏe khác (nếu có). Lưu ý: Nếu trẻ bị dị dạng, dị tật, ghi cụ thể loại dị dạng, dị tật, kể cả khuyết tật về hình thái của trẻ nếu phát hiện được.
17	Ngày cấp Giấy chứng sinh	NGAY_CS	Chuỗi	X	8	Ngày cấp giấy chứng sinh, định dạng yyyyMMdd với yyyy là năm cấp, MM là tháng cấp, dd là ngày cấp ghi theo ngày dương lịch.
18	Thân nhân của trẻ	THAN_NHAN	Chuỗi	X	255	Ghi rõ Họ, tên đệm, tên thân nhân của trẻ.
19	Người đỡ đẻ	NGUOI_DO_DE	Chuỗi	X	255	Ghi rõ chức danh và ghi rõ Họ, chữ đệm, tên của người đỡ đẻ.
20	Đại diện cơ sở KBCB	THU_TRUONG_DVI	Chuỗi	X	255	Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.

Ghi chú: Trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì cơ sở y tế tạo lập, gửi dữ liệu định dạng XML giấy chứng sinh cho từng trẻ.

Phụ lục II

**QUY ĐỊNH THÔNG ĐIẾP DỮ LIỆU GIẤY CHỨNG SINH VÀ CHUẨN, ĐỊNH DẠNG
DỮ LIỆU GIẤY CHỨNG SINH CHO TRƯỜNG HỢP MANG THAI HỘ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**I. QUY ĐỊNH THÔNG ĐIẾP DỮ LIỆU GIẤY CHỨNG SINH TRƯỜNG HỢP MANG
THAI HỘ**
[CHỨNG THƯ SỐ]

TÊN CƠ SỞ KBCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cấp lần đầu: []

Mã số GCS:

Cấp lại: []

GIẤY CHỨNG SINH**1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ (MTH):**

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Mã số BHXH/Thẻ BHYT số

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

2. Phần thông tin của bên mang thai hộ:

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Mã số BHXH/Thẻ BHYT số

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút.....ngày.....tháng.....năm

Tại:

Số con trong lần sinh này:.....

Giới tính của con: Cân nặng gam

Dự định đặt tên con là:

....., ngày tháng năm

Người nhờ MTH/ Người MTH**Người đỡ đẻ****Đại diện cơ sở KBCB**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

[CHỮ KÝ SỐ]Chú thích:

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ghi thông tin người chồng bên mang thai hộ theo kê khai của Bên mang thai hộ hoặc Bên nhờ mang thai hộ cung cấp và không phải chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với thông tin này. Trong trường hợp không có thông tin người chồng bên mang thai hộ thì bỏ trống.

- Tên con dự định đặt có thể thay đổi khi khai sinh

- Con sinh ra là con của Bên (vợ chồng) nhờ mang thai hộ.

II. CHUẨN VÀ ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ GIẤY CHỨNG SINH TRONG TRƯỜNG HỢP MANG THAI HỘ

STT	Trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	TEN_CSKBCB	Chuỗi	X	255	Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cấp Giấy chứng sinh, theo danh mục quy định của Bộ Y tế.
		MA_CSKBCB	Chuỗi	X	5	Ghi mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cấp Giấy chứng sinh; gồm 05 ký tự. Mã số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định về nguyên tắc cấp mã cơ sở KBCB.
2	Mã giấy chứng sinh	MA_GCS	Chuỗi	X	18	Mã giấy chứng sinh được quản lý tại cơ sở khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế, mã gồm 18 ký tự theo định dạng: XXXXXXXX.GCS.ZZZZZ.YY Trong đó: XXXXX: Có độ dài 05 ký tự là số thứ tự tăng dần của số giấy chứng sinh đã cấp trong năm tại cơ sở khám chữa bệnh GCS: Là ký tự cố định xác định với Giấy chứng sinh. ZZZZZ: Mã số cơ sở khám chữa bệnh thực hiện theo Quyết định số 384/QĐ-BYT ngày 01/02/2019 của Bộ Y tế quy định về nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Theo đó, mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gồm 05 ký tự thể hiện bằng số: 02 ký tự đầu; mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Tổng cục thống kê (riêng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng sử dụng mã ký tự là 97, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Công an sử dụng mã ký tự là 98). 03 ký tự tiếp theo: là thứ tự của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, thành phố tương ứng bắt đầu từ số 001 và kết thúc là ZZZ. YY: Độ dài 02 ký tự tương ứng với 02 ký tự cuối của năm cấp giấy. Ví dụ: 00005.GCS.22001.25

STT	Trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
3	Lần cấp	LAN_CAP	Chuỗi	X	2	Lần cấp: Mã “0”: Cấp lần đầu; Mã “1”: Cấp lại.
4	Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ bên nhờ mang thai hộ	HOTEN_VO_NMTH	Chuỗi	X	255	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của người vợ bên nhờ mang thai hộ.
5	Ngày, tháng, năm sinh	NGAYSINH_VO_NMTH	Chuỗi	X	8	Ngày sinh của người vợ bên nhờ mang thai hộ, định dạng yyyyMMdd hoặc yyyy, với yyyy là năm sinh, MM là tháng sinh, dd là ngày sinh.
6	Dân tộc	MA_DANTOC_CHONG_NMTH	Chuỗi	X	2	Tra cứu mã dân tộc tại đường link: https://www.nso.gov.vn/phuong-phapluan-thong-ke/danh-muc/cac-dan-toc-viet-nam/
7	Số ĐDCN/ Hộ chiếu	LOAI_GIAYTO_VO_NMT H	Số	X	1	Ghi loại giấy tờ: Mã “1”: Định danh cá nhân; Mã “2”: Hộ chiếu; Mã “3”: Khác.
		SO_DDCN_VO_NMTH	Chuỗi	X	15	Số ĐDCN/Hộ chiếu hoặc Giấy tờ tùy thân khác của người vợ bên nhờ mang thai hộ.
8	Nơi cư trú	NOI_CU_TRU_VO_NMTH	Chuỗi	X	1024	Ghi địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại) của người vợ bên nhờ mang thai hộ. Lưu ý: - Nếu là người Việt Nam: Ghi địa chỉ nơi cư trú theo địa danh hành chính các cấp; - Trường hợp người nước ngoài có địa chỉ nơi cư trú tại Việt Nam thì ghi giống như người Việt Nam; - Trường hợp người nước ngoài không có địa chỉ nơi cư trú tại Việt Nam nhưng sinh đẻ tại cơ sở y tế của Việt Nam địa chỉ Lãnh sự quán của nước trên Quốc tịch người đó tại Việt Nam.
		MATINH_CU_TRU	Chuỗi	X	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi cư trú; ghi theo 02 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết

STT	Trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
						định số 19/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
		MAXA_CU_TRU	Chuỗi	X	5	Mã đơn vị hành chính cấp xã nơi cư trú; ghi theo 05 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
9	Mã số BHXH/ Thẻ BHYT số	MA_BHXH_ME	Số		10	Mã số Bảo hiểm xã hội (BHXH) của người mẹ (nếu có) Trang hỗ trợ tra cứu mã số BHXH tại đường link: https://baohiemxahoi.gov.vn/Pages/default.aspx
		MA_THE_ME	Chuỗi		15	Mã thẻ Bảo hiểm y tế (BHYT) của người mẹ (nếu có)
10	Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng bên nhờ mang thai hộ	HOTEN_CHONG_NMTH	Chuỗi	X	255	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của người chồng bên nhờ mang thai hộ.
11	Ngày, tháng, năm sinh	NGAYSINH_CHONG_NMTH	Chuỗi	X	8	Ngày sinh của người chồng bên nhờ mang thai hộ, định dạng yyyyMMdd hoặc yyyy, với yyyy là năm sinh, MM là tháng sinh, dd là ngày sinh.
12	Dân tộc	MA_DANTOC_CHONG_NMTH	Chuỗi	X	2	Ghi mã dân tộc của người chồng bên nhờ mang thai hộ theo Danh mục các dân tộc Việt Nam tra cứu mã dân tộc tại đường link: http://tongdieutradanso.vn/danhmuc-cac-dan-toc-viet-nam.html
13	Số ĐDCN/ Hộ chiếu	LOAI_GIAYTO_CHONG_NMTH	Số	X	1	Ghi loại giấy tờ: Mã “1”: Định danh cá nhân; Mã “2”: Hộ chiếu; Mã “3”: Khác.
		SO_DDCN_CHONG_NMT	Chuỗi	X	15	Số ĐDCN/Hộ chiếu hoặc Giấy tờ tùy thân khác của người chồng bên nhờ mang thai hộ.

STT	Trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
14	Nơi cư trú	NOI_CU_TRU_CHONG_N MTH	Chuỗi	X	1024	Ghi địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại) của người chồng bên nhờ mang thai hộ.
15	Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ bên mang thai hộ	HOTEN_VO_MTH	Chuỗi	X	255	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của người vợ bên mang thai hộ.
16	Ngày, tháng, năm sinh	NGAYSINH_VO_MTH	Chuỗi	X	8	Ngày sinh của người vợ bên mang thai hộ, định dạng yyyyMMdd hoặc yyyy, với yyyy là năm sinh, MM là tháng sinh, dd là ngày sinh.
17	Dân tộc	MA_DANTOC_CHONG_MTH	Chuỗi	X	2	Ghi mã dân tộc của người vợ bên mang thai hộ theo Danh mục các dân tộc Việt Nam tra cứu mã dân tộc tại đường link: http://tongdieutradanso.vn/danhmuc-cac-dan-toc-viet-nam.html
18	Số ĐDCN/ Hộ chiếu	LOAI_GIAYTO_VO_MTH	Số	X	1	Ghi loại giấy tờ: Mã “1”: Định danh cá nhân; Mã “2”: Hộ chiếu; Mã “3”: Khác.
		SO_DDCN_VO_MTH	Chuỗi	X	15	Số ĐDCN/Hộ chiếu hoặc Giấy tờ tùy thân khác của người vợ bên mang thai hộ.
19	Nơi cư trú	NOI_CU_TRU_VO_MTH	Chuỗi	X	1024	Ghi địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại) của người vợ bên mang thai hộ.
		MATINH_CU_TRU	Chuỗi	X	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi cư trú; ghi theo 02 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
		MAXA_CU_TRU	Chuỗi	X	5	Mã đơn vị hành chính cấp xã nơi cư trú; ghi theo 05 ký tự của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

STT	Trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
20	Mã số BHXH/ Thẻ BHYT số	MA_BHXXH_ME	Số		10	Mã số Bảo hiểm xã hội (BHXXH) của người mẹ (nếu có)
		MA_THE_ME	Chuỗi		15	Mã thẻ Bảo hiểm y tế (BHYT) của người mẹ (nếu có)
21	Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng bên mang thai hộ	HOTEN_CHONG_MTH	Chuỗi	X	255	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của người chồng bên mang thai hộ.
22	Ngày, tháng, năm sinh	NGAYSINH_CHONG_MTH	Chuỗi	X	8	Ngày sinh của người chồng bên mang thai hộ, định dạng yyyyMMdd hoặc yyyy, với yyyy là năm sinh, MM là tháng sinh, dd là ngày sinh.
23	Dân tộc	MA_DANTOC_CHONG_MTH	Chuỗi	X	2	Ghi mã dân tộc của người chồng bên mang thai hộ theo Danh mục các dân tộc Việt Nam tra cứu mã dân tộc tại đường link: http://tongdieutradanso.vn/danhmuc-cac-dan-toc-viet-nam.html
24	Số ĐDCN/ Hộ chiếu	LOAI_GIAYTO_CHONG_MTH	Số	X	1	Loại giấy tờ: Mã “1”: Định danh cá nhân; Mã “2”: Hộ chiếu; Mã “3”: Khác.
		SO_DDCN_CHONG_MTH	Chuỗi	X	15	Số ĐDCN/Hộ chiếu hoặc Giấy tờ tùy thân khác của người chồng bên mang thai hộ.
25	Đã sinh con vào lúc	NGAY_SINH_CON	Chuỗi	X	12	Ngày sinh con, định dạng yyyyMMddHHss, với yyyy là năm sinh, MM là tháng sinh, dd là ngày sinh, HH là giờ sinh, ss là phút sinh.
26	Tại	NOI_SINH_CON	Chuỗi	X	1024	Ghi địa chỉ nơi con được sinh ra theo cấu trúc: {mã tỉnh}:{mã xã}:{địa chỉ full text có cả tên tỉnh, xã theo chuẩn chung}. Trong đó mã tỉnh, xã theo theo bảng mã quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
27	Số con trong lần sinh này	SOCON_LANNAY	Số	X	2	Ghi số con đẻ lần này. Trong trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì ghi cụ thể số con và mỗi trẻ được

STT	Trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
						cấp 01 giấy chứng sinh có mã số riêng biệt.
28	Giới tính của con	GIOI_TINH_CON	Số	X	1	Giới tính mã hóa: Mã “1”: Nam; Mã “2”: Nữ; Mã “3”: Chưa xác định.
29	Cân nặng của con	CAN_NANG_CON	Chuỗi		10	Ghi theo số cân nặng của con, tính theo gam (ký hiệu là: g) (ví dụ: 3,6 kg = 3600g)
30	Dự định đặt tên con	MA_THE_TAM	Chuỗi	X	15	Ghi mã thẻ BHYT tạm thời của người con. Cơ sở KBCB sử dụng chức năng “Thông tuyến khám chữa bệnh/Tra cứu thẻ tạm của trẻ em hoặc của người hiến tạng” trên Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định BHYT của BHXH Việt Nam để tra cứu mã thẻ BHYT tạm thời.
		TEN_CON	Chuỗi		255	Tên dự định đặt cho con (Tên dự kiến này có thể thay đổi khi đăng ký khai sinh)
31	Họ, chữ đệm, tên khai sinh của người nhờ mang thai hộ hoặc người mang thai hộ	HOTEN_THAN_NHAN	Chuỗi	X	255	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của người vợ/chồng bên nhờ mang thai hộ hoặc của người vợ/chồng bên mang thai hộ.
32	Người đỡ đẻ	NGUOI_DO_DE	Chuỗi	X	255	Ghi rõ chức danh và ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người đỡ đẻ.
33	Đại diện cơ sở KBCB	THU_TRUONG_DVI	Chuỗi	X	255	Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc Người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.

Ghi chú: Trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì cơ sở y tế tạo lập, gửi dữ liệu định dạng XML giấy chứng sinh cho từng trẻ.

**TỔ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06;
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,
CHUYỂN ĐỔI SỐ GẮN VỚI ĐỀ ÁN 06**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 469 /TCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

BỘ Y TẾ Nội dung tại cuộc họp về rà soát tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu
quốc gia, chuyên ngành theo Nghị quyết số 214/NQ-CP

Đ Số: 1432
Ề Ngày: 21/01/2026
N
Chuyển:

Ngày 08/01/2026, tại trụ sở Bộ Công an, 47 Phạm Văn Đồng, Hà Nội, Thư ký Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 (sau đây gọi là Tổ công tác) đã tổ chức buổi làm việc với đại diện Lãnh đạo các Cục nghiệp vụ phụ trách về công nghệ thông tin của 15 bộ, ngành và 07 tập đoàn, doanh nghiệp đồng hành, trong đó, tập trung đánh giá về hiện trạng, tiến độ triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 214/NQ-CP.

Sau khi nghe báo cáo và thảo luận đánh giá về hiện trạng, tiến độ triển khai xây dựng các CSDL quốc gia, chuyên ngành và kiến nghị, đề xuất giải pháp của các đơn vị, cuộc họp đã thống nhất các nội dung như sau:

1. Nhiệm vụ chung của các bộ, ngành:

(1) Phối hợp với 07 tập đoàn, doanh nghiệp đồng hành khảo sát đánh giá tổng thể từ Trung ương đến địa phương về mô hình hệ thống thông tin, quy trình nghiệp vụ, phần mềm, đầu tư hạ tầng, máy tính đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

(2) Rà soát điều chỉnh nghiệp vụ để tạo lập dữ liệu từ thủ tục hành chính, đảm bảo dữ liệu theo nguyên tắc “sống”. Đồng thời, tiếp tục số hóa và làm sạch dữ liệu quá khứ.

(3) Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp đồng hành hoàn thiện các CSDL, tham mưu, thực hiện công bố danh mục TTHC các TPHS được cắt giảm dựa trên dữ liệu, giấy tờ được tích hợp.

(4) Các đơn vị nghiên cứu, rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở dữ liệu, quy trình nghiệp vụ tạo lập dữ liệu để đề xuất hợp nhất/tách/xây dựng thêm các CSDL phục vụ công tác chuyên môn của đơn vị.

(5) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chuyên môn, xây dựng lộ trình, kế hoạch chi tiết triển khai tích hợp 82 dịch vụ công thiết yếu trên cổng dịch vụ công Quốc gia đảm bảo chạy chính thức **từ ngày 01/3/2026**.

2. Nhiệm vụ cụ thể các bộ, ngành:

(1) Bộ Y tế:

- Phối hợp Tổng công ty Mobifone xây dựng Kế hoạch, lộ trình triển khai chỉ đạo các cơ sở y tế công lập, tư nhân đồng bộ dữ liệu giấy chứng sinh về Hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam triển khai để tích hợp trên VNeID, **hoàn thành trước ngày 15/01/2026**. Trước mắt ưu tiên triển khai đối với các cơ sở y tế công lập, **hoàn thành trước ngày 30/01/2026**.

- Xây dựng lộ trình số hóa, làm sạch dữ liệu giấy khám sức khỏe tài xế lái xe, tích hợp trên VNeID phục vụ cắt giảm thành phần hồ sơ, **hoàn thành trước ngày 20/01/2026**.

- Chủ trì, phối hợp Bộ Công an xây dựng văn bản gửi UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Y tế triển khai đồng bộ dữ liệu giấy chứng sinh tại các cơ sở y tế công lập, tư nhân về hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam, **hoàn thành trước ngày 30/01/2026**.

- Chủ trì, phối hợp Bộ Công an xây dựng kế hoạch, quy trình và lộ trình định danh nhà thuốc trên ứng dụng VNeID.

(2) Bộ Tư pháp, Bộ Công an (C06, C12) và các doanh nghiệp đồng hành thống nhất triển khai giải pháp tích hợp giấy khai sinh lên VNeID để cắt giảm, **hoàn thành trước ngày 28/02/2026**.

(3) Bộ Tư pháp, Bộ Công an (C06, C12), Tổng công ty Mobifone thống nhất phương án, xây dựng hướng dẫn gửi các bộ, ngành, địa phương về việc sử dụng giấy khai sinh được tích hợp trên VNeID để cắt giảm TPHS có trong TTHC, báo cáo Ủy ban kiểm tra Trung ương để theo dõi, giám sát.

(4) Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Công an xây dựng Kế hoạch giai đoạn 2 làm sạch dữ liệu đã số hóa đối với dữ liệu còn lại, **hoàn thành trước ngày 20/01/2026**.

(5) Bộ Giáo dục và Đào tạo khẩn trương số hóa và làm sạch toàn bộ dữ liệu về bằng tốt nghiệp (Phổ thông trung học, Đại học, Cao đẳng, ...) của những người sinh năm 1970 trở lại đây, đặc biệt tập trung làm sạch đối với dữ liệu học sinh mầm non, tiểu học năm học 2025-2026, triển khai xây dựng, điều chỉnh phần mềm nghiệp vụ để tạo lập dữ liệu mới "sống" từ đầu.

(6) Đối với dữ liệu trẻ em khai sinh tại nước ngoài, giao Bộ Công an (C06, C12), Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và các đơn vị liên quan thống nhất quy trình nghiệp vụ, điều chỉnh phần mềm cho các cơ quan đại diện nước ngoài để triển khai cấp giấy khai sinh cho trẻ em tại cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài.

(7) Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an (C06, C12), Bộ Tư pháp khẩn trương làm sạch dữ liệu tình trạng hôn nhân để thực hiện chia

sẽ cho CSDL quốc gia về dân cư và hiện thị trên ứng dụng VNeID phục vụ giải quyết TTHC, cắt giảm TPHS.

3. Nhiệm vụ doanh nghiệp, tập đoàn:

- Phối hợp làm việc với UBND các tỉnh, thành phố để xây dựng chiến lược dữ liệu tổng thể, kế hoạch chi tiết trong hệ thống chính trị, gửi về Thư ký Tổ Công tác (qua Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội) để đồng hành, hỗ trợ trước ngày 15/01/2026.

- Tổng công ty Mobifone phối hợp với Bộ Công an (C06, C12), Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng lộ trình, Kế hoạch triển khai đồng bộ dữ liệu liên quan đến Giấy chứng sinh, Giấy khám sức khỏe lái xe về Bảo hiểm xã hội Việt Nam để Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng cắt giảm, hạn trước ngày 15/01/2026.

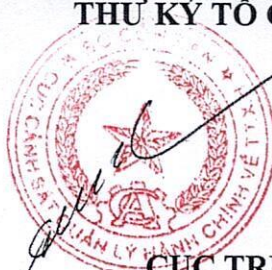
- Công ty cổ phần FPT nghiên cứu triển khai thí điểm CSDL liên quan đến người Việt Nam đi ra nước ngoài hiện đang phân tán tại một số bộ, ngành để thống nhất 01 CSDL.

Thư ký Tổ công tác trân trọng đề nghị các bộ, ngành chủ quản các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 07 tập đoàn doanh nghiệp đồng hành nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an, Tổ trưởng TCT (để báo cáo);
- Đồng chí Nguyễn Văn Long, Thứ trưởng Bộ Công an, Tổ phó Thường trực TCT (để báo cáo);
- Tổ Công tác liên ngành (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các tập đoàn, doanh nghiệp đồng hành (FPT, VNPT, Viettel, Tecapro, CMC, Mobifone, GTEL)
- Lưu: VT, TCT(C06-TTDLDC).

THƯ KÝ TỔ CÔNG TÁC



CỤC TRƯỞNG
CỤC CẢNH SÁT QLHC VỀ TTXH
Thiếu tướng Vũ Văn Tấn

THÔNG TƯ
Quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bà mẹ và Trẻ em;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về mẫu, thẩm quyền và thủ tục cấp, cấp lại giấy chứng sinh.

Điều 2. Thẩm quyền cấp mới, cấp lại giấy chứng sinh

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cấp mới giấy chứng sinh

1. Trường hợp trẻ sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra cấp giấy chứng sinh theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này cho trẻ trước khi trẻ ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc sớm hơn theo đề nghị của thân nhân của trẻ.

2. Trường hợp trẻ sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc nhân viên y tế thôn, bản hoặc cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ (sau đây gọi tắt là người đỡ đẻ):

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm trẻ sinh ra sống, thân nhân của trẻ nộp tờ khai đề nghị cấp giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi quản lý người đỡ đẻ và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ sinh ra trẻ để đối chiếu;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai đề nghị cấp giấy chứng sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm xác minh thông tin về người đỡ đẻ, người mẹ sinh ra trẻ, trẻ sơ sinh và cấp giấy chứng sinh cho trẻ. Trường hợp không xác minh được thông tin hoặc thông tin không chính xác thì không cấp giấy chứng sinh.

3. Trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ:

a) Nếu trẻ sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ cho người sinh ra trẻ: cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp giấy chứng sinh theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này cho trẻ trước khi trẻ ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc sớm hơn theo đề nghị của thân nhân của trẻ.

b) Nếu trẻ sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã thực hiện kỹ thuật mang thai hộ cho người sinh ra trẻ: bên nhờ mang thai hộ hoặc bên mang thai hộ nộp cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra bản xác nhận về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ sinh ra trẻ để đối chiếu.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được bản xác nhận về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra cấp giấy chứng sinh theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trường hợp trẻ sinh ra sống tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và tử vong trước khi ra viện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện cấp giấy chứng sinh cho trẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, sau đó thực hiện cấp giấy báo tử.

5. Giấy chứng sinh được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho thân nhân của trẻ và 01 bản lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp đẻ sinh đôi hoặc nhiều hơn, thì mỗi trẻ sinh sống được cấp 01 giấy chứng sinh với mã số khác nhau.

Điều 4. Cấp lại giấy chứng sinh

1. Các trường hợp được cấp lại giấy chứng sinh: giấy chứng sinh đã được cấp có nhầm lẫn, thiếu thông tin; giấy chứng sinh bị mất, rách, nát.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh bao gồm các giấy tờ sau:

a) Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng sinh đã cấp (trừ trường hợp đề nghị cấp lại do mất);

c) Giấy tờ chứng minh liên quan đến nội dung nhầm lẫn hoặc còn thiếu đối với trường hợp cấp lại do nhầm lẫn, thiếu thông tin.

3. Thủ tục cấp lại giấy chứng sinh:

a) Người mẹ sinh ra trẻ trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh theo quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp giấy chứng sinh cho trẻ lần đầu và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ để đối chiếu. Trường hợp người đề nghị không phải là người mẹ đã sinh ra trẻ thì phải xuất trình giấy ủy quyền hợp pháp.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm cấp lại giấy chứng sinh cho trẻ. Trường hợp không xác minh được thông tin của người mẹ hoặc thông tin không chính xác thì không cấp lại giấy chứng sinh.

c) Mã số giấy chứng sinh cấp lại phải sử dụng mã số của giấy chứng sinh cũ đã cấp. Giấy chứng sinh cấp lại được lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025.

2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh;

b) Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh;

c) Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với trẻ sinh ra trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện cấp giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế hoặc Phụ lục 01a ban hành kèm theo Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh.

2. Trường hợp cấp lại giấy chứng sinh cho trẻ sinh ra trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chịu trách nhiệm liên thông dữ liệu điện tử của giấy chứng sinh với Phần mềm dịch vụ công liên thông theo quy định tại Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

Dữ liệu điện tử giấy chứng sinh liên thông phải bao gồm đầy đủ các trường thông tin theo mẫu giấy chứng sinh quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Các trường thông tin phải được hiển thị theo quy định chuẩn định dạng dữ liệu đầu ra của Bộ Y tế và được xác thực điện tử hợp pháp.

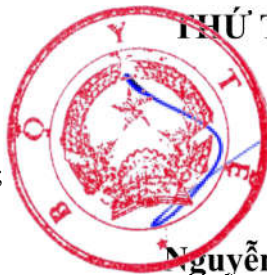
2. Cục trưởng Cục Bà mẹ và Trẻ em, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (Cục Bà mẹ và Trẻ em) để được hướng dẫn, xem xét và giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Văn hoá và Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX; Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Bộ Tài chính (Bảo hiểm xã hội Việt Nam);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Cổng TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC, BMTE (02).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tri Thức

Phụ lục I
MẪU GIẤY CHỨNG SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Mẫu số 01

TÊN CƠ SỞ KBCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Cấp lần đầu: []

Mã số GCS:

Cấp lại: []

GIẤY CHỨNG SINH

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Mã số BHXH/Thẻ BHYT số:

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại:

Số con trong lần sinh này:

Giới tính của con: Cân nặng gam.

Dự định đặt tên con là:

Ghi chú:

....., ngày tháng năm

Thân nhân của trẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đỡ đẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện cơ sở KBCB
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Chú thích:

- Tên con dự định đặt có thể thay đổi khi khai sinh.
- Ghi chú với trường hợp sinh con phải phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần hoặc các nội dung khác cần lưu ý.

Hướng dẫn ghi Giấy chứng sinh mẫu số 01

TT	Trường thông tin	Hướng dẫn cách ghi
1	Cơ sở KB, CB	Ghi rõ tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cấp Giấy chứng sinh.
2	Cấp lần đầu	Đánh dấu X vào ô, nếu cấp bản giấy Giấy chứng sinh lần đầu.
3	Cấp lại	Đánh dấu X vào ô, nếu cấp lại bản giấy Giấy chứng sinh.
4	Mã số Giấy chứng sinh	Mỗi Giấy chứng sinh có 01 (một) mã số duy nhất. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh sử dụng mã số này dùng để quản lý việc cấp giấy chứng sinh và liên thông dữ liệu điện tử lên Phần mềm dịch vụ công liên thông. Trường hợp sinh đôi trở lên thì mỗi trẻ sống có 01 (một) mã số giấy chứng sinh riêng biệt. Mã số giấy chứng sinh trên phần mềm và mã trên bản giấy phải trùng nhau. Mã số Giấy chứng sinh được sinh theo nguyên tắc như sau: Mã số giấy chứng sinh được quản lý tại cơ sở khám chữa bệnh. Mã số gồm 18 ký tự theo định dạng XXXXX.GCS.ZZZZZ.YY Trong đó: - XXXXX: có độ dài 05 (năm) ký tự là số thứ tự tăng dần của số giấy chứng sinh đã cấp trong năm tại cơ sở khám chữa bệnh. - GCS: Là ký tự cố định xác định với Giấy chứng sinh. - ZZZZZ: Mã số cơ sở khám chữa bệnh thực hiện theo Quyết định 384/QĐ-BYT ngày 01/02/2019 của Bộ Y tế quy định về nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Theo đó, mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gồm 05 (năm) ký tự thể hiện bằng số: 02 (hai) ký tự đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Tổng cục Thống kê (<i>Riêng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng sử dụng mã ký tự là 97, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Công an là 98</i>); 03 (ba) ký tự tiếp theo là thứ tự của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, thành phố tương ứng bắt đầu từ số 001 và kết thúc bằng ZZZ. - YY: Độ dài 02 (hai) ký tự tương ứng với 02 (hai) ký tự cuối của năm cấp Giấy chứng sinh. <i>Ví dụ: Trẻ sinh ra ngày 01/9/2024 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh có thứ tự số Giấy chứng sinh liên thông là 115, thì Mã số Giấy chứng sinh được ghi là: 00115.GCS.22001.24</i> Lưu ý: Nếu cấp lại Giấy chứng sinh thì phải sử dụng lại mã số của Giấy chứng sinh cũ đã cấp.

TT	Trường thông tin	Hướng dẫn cách ghi
5	Họ, chữ đệm, tên khai sinh của mẹ	Ghi họ, chữ đệm và tên mẹ bằng chữ in hoa, có dấu theo bản chính Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc Giấy khai sinh.
6	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh của mẹ theo năm dương lịch. Nếu không nhớ ngày, tháng thì ghi năm sinh có 04 chữ số.
7	Dân tộc	Ghi rõ tên dân tộc của người mẹ. Trường hợp không rõ dân tộc, thì ghi “Không rõ”. Trường hợp là người nước ngoài, thì ghi “Người nước ngoài” và ghi rõ quốc tịch của người mẹ được ghi trên Hộ chiếu.
8	Số Định danh cá nhân (ĐDCN)/Hộ chiếu	Ghi rõ Số định danh cá nhân trên thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ hợp lệ có số định danh cá nhân. Trường hợp không có thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ hợp lệ có số định danh cá nhân thì ghi số hộ chiếu. Trường hợp người mẹ không có các giấy tờ nêu trên, thì ghi số Chứng minh thư nhân dân hoặc số Giấy khai sinh của người mẹ, đồng thời ghi rõ loại giấy tờ, ngày cấp, nơi cấp.
9	Nơi cư trú	Ghi nơi thường trú của người mẹ theo thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu. Trường hợp người mẹ không có nơi thường trú, thì ghi nơi tạm trú và ghi rõ là tạm trú hoặc ghi nơi ở hiện tại và ghi rõ là nơi ở hiện tại theo quy định của pháp luật về cư trú. Trường hợp người nước ngoài có đăng ký thường trú, tạm trú, nơi ở hiện tại ở Việt Nam thì ghi giống như quy định với người Việt Nam. Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú, nơi ở hiện tại Việt Nam nhưng sinh sống ở vùng biên giới sang để ở các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Việt Nam thì ghi tên tỉnh/thành phố/bang và quốc gia nơi họ đang sinh sống.
10	Mã số BHXH/Thẻ BHYT	Ghi rõ 10 chữ số của sổ Bảo hiểm xã hội hoặc sổ thẻ Bảo hiểm y tế. Nếu không có mã số Bảo hiểm xã hội hoặc sổ thẻ Bảo hiểm y tế, thì ghi 10 chữ số 0.
11	Đã sinh con vào lúc	Ghi giờ, phút, ngày, tháng, năm mà đứa trẻ sinh ra theo năm dương lịch.

TT	Trường thông tin	Hướng dẫn cách ghi
12	Tại	Ghi rõ nơi trẻ được sinh ra sống, cụ thể: a) Trường hợp trẻ em được sinh ra sống tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, thì ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và địa danh hành chính nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở; b) Trường hợp trẻ em được sinh ra sống ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì ghi địa điểm và địa danh hành chính nơi trẻ sinh ra theo quy định hiện hành.
13	Số con trong lần đẻ này	Ghi số con đẻ lần này. Trong trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì ghi cụ thể số con và mỗi trẻ được cấp 01 giấy chứng sinh có mã số riêng biệt.
14	Giới tính của con	Ghi cụ thể trẻ em sinh ra sống là nam hay nữ. Trường hợp dị tật, không rõ là nam hay nữ thì ghi là không xác định.
15	Cân nặng	Ghi trọng lượng của trẻ đẻ ra được cân trong giờ đầu sau khi sinh theo đơn vị tính gam. Nếu không được cân thì ghi rõ “Không cân”.
16	Dự định đặt tên con	Ghi họ, tên đệm và tên dự kiến đặt cho trẻ (nếu có). Trường hợp không có dự định đặt tên cho trẻ thì bỏ trống.
17	Ghi chú	Ghi rõ các trường hợp: - Sinh con phải phẫu thuật; - Sinh con dưới 32 tuần tuổi; - Trường hợp sinh con dưới 32 tuần tuổi và phải phẫu thuật thì trong phần ghi chú phải ghi rõ “phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi”. - Các nội dung khác cần lưu ý (nếu có): Dị tật bẩm sinh, các biểu hiện liên quan đến tình trạng sức khỏe khác.
18	Ngày, tháng, năm	Ghi theo ngày, tháng, năm dương lịch cấp Giấy chứng sinh.
19	Thân nhân của trẻ (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)	Thân nhân của trẻ ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của mình và ghi quan hệ với trẻ.
20	Người đỡ đẻ (Ký, ghi rõ chức danh và họ, chữ đệm, tên khai sinh)	Người đỡ đẻ ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên và chức danh của mình.
21	Đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Ký tên, ghi rõ chức danh và họ, chữ đệm, tên và đóng dấu)	Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của mình và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp trẻ sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được người hành nghề hoặc nhân viên y tế thôn, bản hoặc cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ mà Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi quản lý người đỡ đẻ cấp Giấy chứng sinh thì đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên và đóng dấu trên cơ sở có xác nhận của người đỡ đẻ.

Mẫu số 02.

TÊN CƠ SỞ KBCB**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cấp lần đầu: []

Mã số GCS:

Cấp lại: []

GIẤY CHỨNG SINH**1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ (MTH):**

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Mã số BHXH/Thẻ BHYT số

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

2. Phần thông tin của bên mang thai hộ:

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Mã số BHXH/Thẻ BHYT số

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Đã sinh con vào lúc:giờ.....phút.....ngày.....tháng.....năm

Tại:

Số con trong lần sinh này:

Giới tính của con: Cân nặng gam

Dự định đặt tên con là:

....., ngày tháng năm

Người nhờ MTH/ Người MTH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đỡ đẻ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện cơ sở KBCB

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Chú thích:

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ghi thông tin người chồng bên mang thai hộ theo kê khai của Bên mang thai hộ hoặc Bên nhờ mang thai hộ cung cấp và không phải chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với thông tin này. Trong trường hợp không có thông tin người chồng bên mang thai hộ thì bỏ trống.

- Tên con dự định đặt có thể thay đổi khi khai sinh

- Con sinh ra là con của Bên (vợ chồng) nhờ mang thai hộ

Hướng dẫn ghi Giấy chứng sinh mẫu số 02

TT	Trường thông tin	Hướng dẫn cách ghi
1	Cơ sở KB, CB	Ghi rõ tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cấp Giấy chứng sinh.
2	Cấp lần đầu	Đánh dấu X vào ô, nếu cấp bản giấy Giấy chứng sinh lần đầu.
3	Cấp lại	Đánh dấu X vào ô, nếu cấp lại bản giấy Giấy chứng sinh.
4	Mã số Giấy chứng sinh	Mỗi giấy chứng sinh có 01 (<i>một</i>) mã số duy nhất. Cơ sở khám bệnh chữa bệnh sử dụng mã số này dùng để quản lý việc cấp giấy chứng sinh và liên thông dữ liệu điện tử lên Phần mềm dịch vụ công liên thông. Trường hợp sinh đôi trở lên thì mỗi trẻ sống có 01 (<i>một</i>) mã số giấy chứng sinh riêng biệt. Mã số giấy chứng sinh trên phần mềm và mã trên bản giấy phải trùng nhau. Mã số Giấy chứng sinh được sinh theo nguyên tắc như sau: Mã số giấy chứng sinh được quản lý tại cơ sở khám chữa bệnh. Mã số gồm 18 ký tự theo định dạng XXXXX.GCS.ZZZZZ.YY Trong đó: - XXXXX: có độ dài 05 (<i>năm</i>) ký tự là số thứ tự tăng dần của số giấy chứng sinh đã cấp trong năm tại cơ sở khám chữa bệnh - GCS: Là ký tự cố định xác định với Giấy chứng sinh. - ZZZZZ: Mã số cơ sở khám chữa bệnh thực hiện theo Quyết định 384/QĐ-BYT ngày 01/02/2019 của Bộ Y tế quy định về nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Theo đó, mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gồm 05 (<i>năm</i>) ký tự thể hiện bằng số: 02 (<i>hai</i>) ký tự đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Tổng cục Thống kê (<i>Riêng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng sử dụng mã ký tự là 97, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Công an là 98</i>); 03 (<i>ba</i>) ký tự tiếp theo là thứ tự của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, thành phố tương ứng bắt đầu từ số 001 và kết thúc bằng ZZZ. - YY: Độ dài 02 (<i>hai</i>) ký tự tương ứng với 02 (<i>hai</i>) ký tự cuối của năm cấp Giấy chứng sinh. <i>Ví dụ: Trẻ sinh ra ngày 23/5/2025 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh có thứ tự số Giấy chứng sinh liên thông là 95, thì Mã số Giấy chứng sinh được ghi là: 00095.GCS.22001.25</i> Lưu ý: Nếu cấp lại Giấy chứng sinh thì phải sử dụng lại mã số của Giấy chứng sinh cũ đã cấp.

TT	Trường thông tin	Hướng dẫn cách ghi
5	Họ, chữ đệm, tên khai sinh vợ (<i>bên nhờ MTH</i>)	Ghi họ, chữ đệm và tên vợ bên nhờ mang thai hộ bằng chữ in hoa, có dấu theo bản chính thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu.
6	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh người vợ bên nhờ mang thai hộ theo năm dương lịch. Nếu không nhớ ngày, tháng thì ghi năm sinh có 04 chữ số.
7	Dân tộc	Ghi rõ tên dân tộc của người vợ bên nhờ mang thai hộ. Trường hợp không rõ dân tộc, thì ghi “Không rõ”. Trường hợp là người nước ngoài, thì ghi “Người nước ngoài” và ghi rõ quốc tịch của người vợ theo hộ chiếu.
8	Số ĐDCN/Hộ chiếu	Ghi rõ số định danh cá nhân trên thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc hoặc giấy tờ hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu người vợ bên nhờ mang thai hộ.
9	Nơi cư trú	Ghi nơi thường trú của người vợ bên nhờ mang thai hộ theo thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu. Trường hợp người nước ngoài cư trú ở Việt Nam thì ghi nơi đăng ký thường trú, tạm trú. Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam thì ghi nơi cư trú theo hộ chiếu.
10	Mã số BHXH/Thẻ BHYT	Ghi rõ 10 chữ số của sổ BHXH hoặc số thẻ bảo hiểm y tế. Nếu không có ghi 10 số 0.
11	Họ, chữ đệm, tên chồng (<i>bên nhờ mang thai hộ</i>)	Ghi rõ họ, chữ đệm, tên người chồng bên nhờ mang thai hộ bằng chữ in hoa, có dấu theo bản chính thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu.
12	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh người chồng bên nhờ mang thai hộ theo năm dương lịch. Nếu không nhớ ngày, tháng thì ghi năm sinh có 04 chữ số.
13	Dân tộc	Ghi rõ tên dân tộc của người chồng bên nhờ mang thai hộ. Trường hợp không rõ dân tộc, thì ghi “Không rõ”. Trường hợp là người nước ngoài, thì ghi “Người nước ngoài” và ghi rõ quốc tịch của người chồng bên nhờ mang thai hộ theo hộ chiếu.

TT	Trường thông tin	Hướng dẫn cách ghi
14	Số ĐDCN/Hộ chiếu	Ghi rõ Số định danh cá nhân trên thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu người chồng bên nhờ mang thai hộ.
15	Nơi cư trú	Ghi nơi thường trú của người chồng bên nhờ mang thai hộ theo thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu. Trường hợp người nước ngoài cư trú ở Việt Nam thì ghi nơi đăng ký thường trú, tạm trú. Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam thì ghi nơi cư trú theo hộ chiếu.
16	Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ (<i>bên mang thai hộ</i>)	Ghi họ, chữ đệm và tên người vợ bên mang thai hộ bằng chữ in hoa, có dấu theo bản chính thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu.
17	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh người vợ bên mang thai hộ theo năm dương lịch. Nếu không nhớ ngày, tháng thì ghi năm sinh có 04 chữ số.
18	Dân tộc	Ghi rõ tên dân tộc của người vợ bên mang thai hộ. Trường hợp không rõ dân tộc, thì ghi “Không rõ”. Trường hợp là người nước ngoài, thì ghi “Người nước ngoài” và ghi rõ quốc tịch của người vợ theo hộ chiếu.
19	Số ĐDCN/Hộ chiếu	Ghi rõ Số định danh cá nhân trên thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu người vợ bên mang thai hộ.
20	Nơi cư trú	Ghi nơi thường trú của người vợ bên mang thai hộ theo thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu. Trường hợp người nước ngoài cư trú ở Việt Nam thì ghi nơi đăng ký thường trú, tạm trú. Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam thì ghi nơi cư trú theo hộ chiếu.
21	Mã số BHXH/Thẻ BHYT	Ghi rõ 10 chữ số của Sổ BHXH hoặc số thẻ bảo hiểm y tế, nếu không có ghi 10 số 0.
22	Họ, chữ đệm, tên chồng (<i>bên mang thai hộ</i>)	Ghi họ, chữ đệm và tên người chồng bên mang thai hộ bằng chữ in hoa, có dấu theo bản chính thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu.
23	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh người chồng bên mang thai hộ theo năm dương lịch. Nếu không nhớ ngày, tháng thì ghi năm sinh có 04 chữ số.

TT	Trường thông tin	Hướng dẫn cách ghi
24	Dân tộc	Ghi rõ tên dân tộc của người chồng bên mang thai hộ. Trường hợp không rõ dân tộc, thì ghi “Không rõ”. Trường hợp là người nước ngoài, thì ghi “Người nước ngoài” và ghi rõ quốc tịch của người chồng theo hộ chiếu.
25	Số ĐDCN/Hộ chiếu	Ghi rõ Số định danh cá nhân trên thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu người chồng bên mang thai hộ.
26	Đã sinh con vào lúc	Ghi giờ, phút, ngày, tháng, năm mà đứa trẻ sinh ra theo năm dương lịch.
27	Tại	Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và địa danh hành chính nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở.
28	Số con trong lần đẻ này	Ghi số con đẻ lần này. Trong trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì ghi cụ thể số con và mỗi trẻ được cấp 01 giấy chứng sinh có mã số riêng biệt.
29	Giới tính của con	Ghi cụ thể trẻ sinh ra sống là nam hay nữ. Trường hợp dị tật, không rõ là nam hay nữ thì ghi là không xác định.
30	Cân nặng	Ghi trọng lượng của trẻ đẻ ra được cân trong giờ đầu sau khi sinh theo đơn vị tính gam. Nếu không được cân thì ghi rõ “Không cân”.
31	Dự định đặt tên con	Ghi họ, tên đệm và tên dự kiến đặt cho trẻ (nếu có). Trường hợp chưa có dự định đặt tên cho trẻ, thì bỏ trống.
32	Ngày, tháng, năm	Ghi theo ngày, tháng, năm dương lịch cấp Giấy chứng sinh.
33	Người nhờ mang thai hộ/Người mang thai hộ (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên khai sinh)	Người nhờ mang thai hộ hoặc người mang thai hộ ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của mình và ghi rõ “Bên nhờ mang thai hộ” hoặc “Bên mang thai hộ”.
34	Người đỡ đẻ (Ký, ghi rõ chức danh và họ, chữ đệm, tên khai sinh)	Người đỡ đẻ phải ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên và chức danh của mình.
35	Đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Ký tên, ghi rõ chức danh và họ, chữ đệm, tên và đóng dấu)	Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của mình và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Phụ lục II
MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG SINH
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Đề nghị cấp Giấy chứng sinh

Kính gửi:⁽¹⁾

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của người đề nghị:.....

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:.....

Quan hệ với trẻ được đề nghị cấp Giấy chứng sinh:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị cơ quan y tế cấp Giấy chứng sinh cho trẻ theo thông tin dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên trẻ:

Tên dự kiến lúc sinh là (nếu có):

Được sinh ra lúc vào lúc:.....giờ.....phút, ngày tháng năm

Tại:.....

Giới tính lúc sinh: Trai ☐ Gái ☐ Không rõ ☐ Cân nặng lúc sinh: gam

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Mã số BHXH/BHYT:

Họ, chữ đệm, tên người đỡ đẻ: Số điện thoại:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

.....⁽²⁾, ngày.....tháng.....năm

Xác nhận của người đỡ đẻ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(1): Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quản lý người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc nhân viên y tế thôn, bản, có đỡ thôn, bản đã đỡ đẻ cho trẻ.

(2): Ghi địa danh hành chính xã/phường nơi người đề nghị cấp Giấy chứng sinh cư trú.

Phụ lục III
MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG SINH
(Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh

Kính gửi: (1)

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của người đề nghị:.....

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:.....

Quan hệ với trẻ được đề nghị cấp Giấy chứng sinh:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị **cấp lại Giấy chứng sinh cho trẻ dưới đây:**

Họ, chữ đệm, tên trẻ:

Tên dự kiến lúc sinh là (Nếu có):

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của mẹ:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:.....

Đã được cơ quan cấp Giấy chứng sinh: ngày tháng năm

Đề nghị cơ quan cấp lại Giấy chứng sinh cho trẻ vì:

1- Mất/thất lạc ☐

2- Rách nát ☐

3- Nhầm lẫn thông tin ☐

(Ghi cụ thể):

4- Khác ☐ (Ghi cụ thể :

Tôi xin cam đoan các thông tin kê khai như trên là hoàn toàn đúng.

..... (2), ngày.....tháng..... năm

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp Giấy chứng sinh cho trẻ;

(2) Ghi địa danh hành chính xã/phường nơi người đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh cư trú

Phụ lục IV
BẢN XÁC NHẬN VỀ VIỆC THỰC HIỆN KỸ THUẬT
MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN XÁC NHẬN
Về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Kính gửi:(1).....

1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ:

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh : Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng:

Ngày, tháng, năm sinh : Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Giấy đăng ký kết hôn số:

2. Thông tin của bên mang thai hộ

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh : Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh : Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Giấy đăng ký kết hôn số (nếu có):.....

Xác nhận đã thực hiện kỹ thuật mang thai hộ thành công tại Bệnh viện:

- Ngày chuyển phôi:

- Số phôi chuyển:

- Dự kiến sinh:

....., ngày.....tháng.....năm

BÊN NHỜ MANG THAI HỘ

NGƯỜI VỢ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên khai sinh)

NGƯỜI CHỒNG

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên khai sinh)

BÊN MANG THAI HỘ

NGƯỜI VỢ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên khai sinh)

NGƯỜI CHỒNG⁽²⁾

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên khai sinh)

Lãnh đạo khoa/đơn vị thực hiện kỹ thuật

mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

(Ký, ghi rõ chức danh và họ tên)

Đại diện cơ sở KBCB

thực hiện kỹ thuật MTH

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1) Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

(2) Chỉ ký và ghi họ tên người chồng nếu người mang thai hộ có chồng.